CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG NHỰA ĐƯỜNG (ADCo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
ĐẾN Số:.....
Ngày:
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Số: 407a/ CBNL TN

Hải Phòng, ngày 01 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng

– *Căn cứ nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

– *Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

– *Căn cứ vào Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

– *Thực hiện công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG NHỰA ĐƯỜNG (ADCo) công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100113039 Đăng ký lần đầu ngày 19/01/2009 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 02/02/2026 do Sở Tài Chính Thành Phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: Tầng 14, Khối văn phòng Lancaster Luminaire, số 1152 Đường Láng, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.39.34.10.48 Mã số thuế: 0100113039.

Email: info@adco.com.vn Website: ww.adco.com.vn

2. Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 9306

Trưởng phòng: **Nguyễn Đình Tú**

Địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, Phường Ngô Quyền, Thành Phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225 3796475

3. Công ty TNHH Cung Ứng Nhựa Đường (ADCo) chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầu đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

1. **Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.**

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
I. NHỰA ĐƯỜNG, NHỰA ĐƯỜNG POLYME, NHỰA ĐƯỜNG PHÂN CẤP THEO ĐẶC TÍNH LÀM VIỆC, NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG A XÍT, NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG KIỀM, NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG POLYME, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG,...			
1	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 7494:2005 ASTM D140/D140M - 2023	Dụng cụ lấy mẫu, can chứa mẫu,…
2	Độ kim lún	TCVN 7495:2005 ASTM D5/D5M-2020	Máy đo kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế
3	Chỉ số độ kim lún (PI)	Phụ lục A2. TCVN 13567-1:2022	Máy đo độ kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế,…
4	Điểm hóa mềm	TCVN 7497:2005, ASTM D36/D36M - 2020; AASHTO T53 - 2022	Máy đo hóa mềm, Khuôn tròn, bi tròn, vòng, tấm lót, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế,...
5	Độ nhớt động lực ở 60 °C	TCVN 8818-5: 2011 EN 12595; EN 12596 ASTM D2171	Nhớt kế, nhiệt kế, máy đo độ nhớt, bơm hút chân không
6	Độ kéo dài	TCVN 7496:2005 ASTM D113-2023; AASHTO T51-2022	Máy kéo dài, khuôn, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đèn cồn, dao cắt nhựa,…
7	Hàm lượng paraphin	TCVN 7503:2005 EN 12601-1; DIN 52015	Máy xác định hàm lượng Paraphin
8	Điểm chớp cháy	TCVN 7498:2005 ASTM D92 - 24; AASHTO T48 - 2022	Thiết bị đo chớp cháy cốc hở Cleveland

9	Độ hòa tan trong dung môi, có thể sử dụng 1 trong 2 dung môi sau: tricloetylen hoặc N-Propyl Bromide	TCVN 7500:2023 AASHTO T44 - 2023 ASTM D 7553	Bình lọc, phễu lọc, bơm hút, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích,…
10	Khối lượng riêng ở 25 °C	TCVN 7501:2005 ASTM D70/D70M - 2021	Bình tỷ trọng kế, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, bể ổn nhiệt,
11	Tổn thất khối lượng	TCVN 11711:2017 ASTM D1754 AASHTO T179	Cân kỹ thuật, tủ sấy quay, nhiệt kế, đĩa đựng mẫu
12	Tỷ lệ độ kim lún còn lại so với độ kim lún ban đầu ở 25 °C	TCVN 11711: 2017 TCVN 7495:2005 ASTM D5/D5M-2020	Cân kỹ thuật, bát sắt, lò nung, bình hút ẩm, máy đo độ kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế,…
13	Độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005	Dây buộc, bếp đun, nhiệt kế, viên đá 20x40mm,…
14	Độ nhớt động học	TCVN 7502:2005; ASTM D2170:2024 EN 12595; EN 12596	Nhớt kế, nhiệt kế, máy đo độ nhớt
15	Tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt 5 giờ ở 163 °C	TCVN 7499	Cân kỹ thuật, tủ sấy quay, nhiệt kế, cốc mẫu
16	Tỷ lệ độ kim lún sau gia nhiệt 5h ở 163 °C so với ban đầu	TCVN 7499:2005, TCVN 7495:2005 ASTM D5/D5M-2020	Máy đo kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế
17	Độ đàn hồi	22 TCN 319-04 ASTM D6084 AASHTO T301; TCVN 11194:2017	Máy kéo dài, khuôn, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đèn cồn, dao cắt nhựa,…
18	Độ ổn định lưu trữ	22 TCN 319-04 ASTM D5892; TCVN 11195:2017	Ống nhôm, tủ sấy, thiết bị làm lạnh, dao cắt,…
20	Độ nhớt Brookfield	22 TCN 319-04 ASTM D4402 AASHTO T316; TCVN 11196:2017	Nhớt kế, con thoi, máy đo độ nhớt Brookfield

21	Tổn thất khối lượng hóa già màng mỏng lò quay (RTFOT)	AASHTO T240 TCVN 11710:2017	Tủ sấy lò quay, lưu lượng kế, nhiệt kế, ống thủy tinh, cân điện tử, giá làm mát, ống ni-vô, máy nén khí,…
22	Thí nghiệm bình áp lực già hóa (PAV)	AASHTO R28	Máy già hóa, khí áp cao, khay mẫu,…
23	Xác định các đặc tính lưu biến bằng lưu biến kế cắt động	AASTHO T315:2022 TCVN 11808:2017	Máy cắt động lưu biến, khuôn mẫu, dụng cụ cắt mẫu, nhiệt kế, vật liệu tẩy sạch, dung môi làm sạch.
24	Độ mềm từ biến không phục hồi	AASHTO T350	Máy cắt động lưu biến, khuôn mẫu, dụng cụ cắt mẫu, nhiệt kế, vật liệu tẩy sạch, dung môi làm sạch.
25	Phần trăm biến dạng phục hồi	AASHTO T350	Máy cắt động lưu biến, khuôn mẫu, dụng cụ cắt mẫu, nhiệt kế, vật liệu tẩy sạch, dung môi làm sạch.
26	Độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011 ASTM D244 & ASTM D88 AASHTO T72 & AASHTO T59	Nhớt kế Saybolt furol, phễu lọc, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, pipet, ống đong
27	Độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011 ASTM D244 & ASTM D6930 AASHTO T59	Bình lưu mẫu, pipet, cân kỹ thuật, cốc, tủ sấy.
28	Lượng hạt quá cỡ, thử nghiệm sàng	TCVN 8817-4:2011 ASTM D244	Sàng, khay kim loại, nhiệt kế, cân, tủ sấy, bình hút ẩm, chậu đựng nước, cốc thuỷ tinh, nước cất.
29	Điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011 ASTM D244	Điện cực, cốc thủy tinh, bể ổn nhiệt, đồng hồ bấm giây, nhiệt kế, nước cất.
30	Độ khử nhũ (sử dụng 35 mL dioctyl sodium sulfosuccinate 0,8 %)-Nhũ tương a xít Độ khử nhũ (sử dụng 35 mL, 0,02 N CaCl2-Nhũ tương kiềm	TCVN 8817-6:2011 ASTM D244 & ASTM D6936 AASHTO T59	Sàng, khay kim loại, nhiệt kế, cân, tủ sấy, đũa kim loại, buret thuỷ tinh, thuốc thử.
31	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011 ASTM D244	Sàng, khay kim loại, ống đong, nhiệt kế, cân, tủ sấy.
32	Độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011 ASTM D244 AASHTO T59	Chảo trộn, dao trộn, nhiệt kế, cân, ống pipet

33	Hàm lượng dầu	TCVN 8817-9:2011 ASTM D244	Nồi chưng cất, nguồn nhiệt, cân, nhiệt kế, ống đong thủy tinh, sàng
34	Hàm lượng nhựa	TCVN 8817-9:2011 TCVN 8817-10:2011 ASTM D244	Nồi chưng cất, nguồn nhiệt, cân, nhiệt kế, ống đong thủy tinh, sàng, tủ sấy
35	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-15:2011 ASTM D244 AASHTO T59	Cốc kim loại, chảo, ống đong, dao trộn, sàng tiêu chuẩn
36	Độ đàn hồi ở 25 °C, mẫu kéo dài 20cm	AASHTO T301; ASTM D6084; TCVN 11194:2017	Máy kéo dài, khuôn, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa,…
37	Xác định thời gian thấm vào vật liệu tiêu chuẩn	Phụ lục A-TCVN 14270:2024 NF EN 12849	Ống đong 100g, cát tiêu chuẩn, cân điện tử, đồng hồ bấm giây
38	Xác định chiều sâu thấm vào vật liệu tiêu chuẩn	Phụ lục A-TCVN 14270:2024 NF EN 12849	Ống đong 100g, cát tiêu chuẩn, cân điện tử, đồng hồ bấm giây, thước.
39	Thí nghiệm nhận biết nhũ tương nhựa đường gốc axit phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011 ASTM D244 AASHTO T59	Cốc trộn, cốc rửa, dao trộn, tủ sấy, cân, ống đong, nhiệt kế,…
40	Thí nghiệm nhận biết nhũ tương nhựa đường gốc axit phân tách chậm	TCVN 8817-12:2012 ASTM D244 AASHTO T59	Đèn busen, sàng, cốc trộn, cốc rửa, dao trộn, tủ sấy, cân, ống đong, nhiệt kế,…
41	Xác định khả năng trộn lẫn với nước của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-13:2011 ASTM D244 ASTM D6999	Cốc trộn, cân, ống đong, nhiệt kế, nước cất,…
42	Xác định khối lượng thể tích của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-14:2011 ASTM D244 ASTM D6937 AASHTO T59	Bình đong, bể ổn nhiệt, cân,…
43	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-15:2011 ASTM D244 AASHTO T59	Cốc kim loại, chảo, ống đong, dao trộn, sàng tiêu chuẩn,…
44	Độ nhớt động học	TCVN 7502:2005; ASTM D2170:2024	Nhớt kế, nhiệt kế, máy đo độ nhớt
45	Điểm chớp cháy	TCVN 8818-2:2011 ASTM D92-24; AASHTO T48-2006	Thiết bị đo chớp cháy, dụng cụ đo nhiệt độ, ngọn lửa thử,…
46	Hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011	Bình chưng cất 500, 1000 hoặc 2000 ml, bếp ga, ống ngưng, ống hứng, dung môi

47	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011	Bình chưng cất, ống ngưng, ống dẫn hướng, vỏ chắn, giá đỡ vỏ chắn và bình chưng cất, nguồn nhiệt, ống thu,...
48	Xác định độ nhớt tuyệt đối ở nhiệt độ 60 °C	TCVN 8818-5:2011	Nhớt kế, nhiệt kế, máy đo độ nhớt
II. ĐÁ CẤP PHỐI			
49	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136; BS EN 933-1; AASHTO T27-11; BS 812-103	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy, búa cao su, cọ quét, giá xúc mẫu, dụng cụ chia mẫu.
III. PHỤ GIA DÙNG CHO LỚP PHỦ MẶT ĐƯỜNG MICRO- SURFACING			
50	Ngoại quan	Quan sát bằng mắt	Cốc thủy tinh,
51	Độ pH	ASTM E70	Máy đo độ pH
52	Khối lượng riêng ở 20 °C	TCVN 3731	Ống đo tỷ trọng, cân điện tử
53	Hàm lượng chất rắn	EN 480-8	Cốc, cân điện tử, tủ sấy

Nơi nhận:
- Sở Xây dựng (đăng tải website);
- Lưu VT, (PTN TN)

CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG NHỰA ĐƯỜNG (ADCo)
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Tâm